

Số: 367 /ĐHKT-ĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 7 năm 2025

**Kính gửi: Các Trường Thành viên, Khoa, Viện, Trung tâm**

Căn cứ kế hoạch đào tạo năm 2025 và kết quả đăng ký học phần của sinh viên Hệ VB2CQ, LTĐHCQ. Ban Đào tạo trân trọng gửi đến các Trường Thành viên, Khoa, Viện, Trung tâm **Thời khóa biểu CHÍNH THỨC Học kỳ Cuối năm 2025** của các khóa sau:

- + Khóa 25.2, 26.1, 26.2, 27.1, 27.2, 27.3, 27.4, 28.1, 28.2 - Hệ Văn bằng 2 chính quy,
- + Khóa 28.2, 28.3, 29.1, 29.2, 29.3, 29.4, 30.1, 30.2 - Hệ Liên thông đại học chính quy,

**Thời khóa biểu chính thức có sự thay đổi so với Thời khóa biểu dự kiến về việc hủy, bổ sung, điều chỉnh, thay thế một số lớp học phần. Ban Đào tạo kính đề nghị các đơn vị lưu ý Giảng viên / Sinh viên thường xuyên truy cập thông tin trên dashboard cá nhân / portal UEH để cập nhật thông tin thời khóa biểu chính xác nhất.**

**Ban Đào tạo kính đề nghị các đơn vị đào tạo hoàn tất đăng ký giảng dạy theo website <https://dangkygiangday.ueh.edu.vn> với kế hoạch thời gian cụ thể đính kèm theo văn bản này.**

Nếu có vấn đề gì chưa rõ, xin vui lòng liên hệ Ban Đào tạo.

Trân trọng,

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TTKT, B. TC-KHĐT;
- B. CSNH, B. QTHT;
- B. BDCL&KSNB;
- Website B. ĐT;
- Lưu: VT, ĐT.

**TL. GIÁM ĐỐC  
KT. TRƯỞNG BAN ĐÀO TẠO  
PHÓ TRƯỞNG BAN**



**ThS. Võ Thị Tâm**

**ĐỊA CHỈ CÁC GIẢNG ĐƯỜNG BỐ TRÍ GIẢNG DẠY**

| <b>GIẢNG ĐƯỜNG</b> | <b>CƠ SỞ</b>                             | <b>ĐỊA CHỈ</b>                                                                                            | <b>GHI CHÚ</b> |
|--------------------|------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| GĐ A...            | Cơ sở A                                  | 59C Nguyễn Đình Chiểu, phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh                                             |                |
| GĐ B1...           | Cơ sở B – Khu B1                         | 279 Nguyễn Tri Phương, phường Diên Hồng, Thành phố Hồ Chí Minh                                            |                |
| GĐ B2...           | Cơ sở B – Khu B2                         |                                                                                                           |                |
| GĐ C...            | Cơ sở C                                  | 91 Đường 3 tháng 2, phường Vườn Lài, Thành phố Hồ Chí Minh                                                |                |
| GĐ E...            | Cơ sở E                                  | 54 Nguyễn Văn Thủ, phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh                                                 |                |
| GĐ H...            | Cơ sở H                                  | 1A Hoàng Diệu, phường Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh                                                    |                |
| GĐ V...            | Cơ sở Võ Thị Sáu (Viện Đồi mới sáng tạo) | 232/6 Võ Thị Sáu, phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh                                                  |                |
| GĐ N1...           | Cơ sở Nguyễn Văn Linh – Khu Hiệu bộ      | Đường Nguyễn Văn Linh, Khu chức năng số 15, Đô thị mới Nam Thành phố, Xã Bình Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh |                |
| GĐ N2...           | Cơ sở Nguyễn Văn Linh – Khu Giảng đường  |                                                                                                           |                |

**KẾ HOẠCH THỜI GIAN THỰC HIỆN ĐĂNG KÝ GIẢNG DẠY**  
 (Link thực hiện đăng ký: <https://dangkygiangday.ueh.edu.vn>)

| KHÓA HỌC                                                                                             | THỜI GIAN           |                       |                                 | GHI CHÚ |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-----------------------|---------------------------------|---------|
|                                                                                                      | Giảng viên đăng ký  | Quản lý môn học duyệt | Trưởng đơn vị đào tạo phê duyệt |         |
| + Khóa<br>25.2,<br>26.1,<br>26.2,<br>27.1,<br>27.2,<br>27.3,<br>27.4,<br>28.1, 28.2<br>- Hệ<br>VB2CQ | 09/06/25 – 08/07/25 | 09/07/25 – 28/07/25   | 29/07/25 – 30/07/25             |         |
| + Khóa<br>28.2,<br>28.3,<br>29.1,<br>29.2,<br>29.3,<br>29.4,<br>30.1, 30.2<br>- Hệ<br>LTĐHCQ         |                     |                       |                                 |         |

**THỜI KHÓA BIỂU CÁC KHÓA HỆ VB2CQ, LTCQ  
HỌC KỲ CUỐI NĂM 2025  
(Sắp xếp theo Khóa, Ngành, Chuyên ngành)**

## THỜI KHÓA BIỂU KHÓA 30.2 HỆ LTCQ (HỌC KỲ 2) (CHÍNH THỨC)

|               | THỜI GIAN                          |                                                                       |
|---------------|------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|
| Học lý thuyết | 04/08/2025 – 27/12/2025            | CV Khung thời gian đào tạo năm 2025 (Số 2997/ĐHK-TĐT ngày 12/12/2024) |
| Các ngày nghỉ | 01/09/2025, 02/09/2025, 20/11/2025 |                                                                       |
| Dự trừ KHĐT   | 22/12/2025 – 04/01/2026            |                                                                       |

### ĐỊA CHỈ CÁC GIẢNG ĐƯỜNG BỐ TRÍ GIẢNG DẠY

| GIẢNG ĐƯỜNG | CƠ SỞ                       | ĐỊA CHỈ                                    | GHI CHÚ |
|-------------|-----------------------------|--------------------------------------------|---------|
| GD A...     | Cơ sở A                     | 59C Nguyễn Đình Chiểu, P.Xuân Hòa, Tp.HCM  |         |
| GD B1...    | Cơ sở B – Khu B1            | 279 Nguyễn Tri Phương, P.Diên Hồng, Tp.HCM |         |
| GD B2...    | Cơ sở B – Khu B2            | 279 Nguyễn Tri Phương, P.Diên Hồng, Tp.HCM |         |
| GD C...     | Cơ sở C                     | 91 Đường 3 tháng 2, P.Vườn Lài, Tp.HCM     |         |
| GD E...     | Cơ sở E                     | 54 Nguyễn Văn Thủ, P.Tân Định, Tp.HCM      |         |
| GD H...     | Cơ sở H                     | 1A Hoàng Diệu, P.Phú Nhuận, Tp.HCM         |         |
| GD V...     | Cơ sở VTS (Viện ĐMST)       | 232/6 Võ Thị Sáu, P.Xuân Hòa, Tp.HCM       |         |
| GD N1...    | Cơ sở NVL – Khu Hiệu bộ     | Khu số 15, Xã Bình Hưng, Tp.HCM            |         |
| GD N2...    | Cơ sở NVL – Khu Giảng đường | Khu số 15, Xã Bình Hưng, Tp.HCM            |         |

LỊCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN SẼ ĐƯỢC BAN ĐÀO TẠO THÔNG BÁO SAU  
(xem tại trang <https://student.ueh.edu.vn/> hoặc <https://daotao.ueh.edu.vn/> )

**CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÓA 30.2 LTCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                        | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV                  | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GĐ     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ              |
|-------------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|-------------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|----------------------|
| Kinh tế vi mô                       |           | 3  | 25C4ECO50100105 | 90       | AD01,<br>V125TP2A<br>D2 | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-211 | 07/08/25 - 23/10/25 |                      |
| Kinh tế vĩ mô                       |           | 3  | 25C4ECO50100203 | 90       | AD01,<br>V125TP2A<br>D2 | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-211 | 30/10/25 - 27/11/25 |                      |
|                                     |           |    |                 |          |                         | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-211 | 04/11/25 - 23/12/25 |                      |
| Nguyên lý kế toán                   |           | 3  | 25C4ACC50700104 | 90       | AD01,<br>V125TP2A<br>D2 | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-211 | 09/08/25 - 25/10/25 |                      |
| Quản trị học                        |           | 3  | 25C4MAN50200101 | 90       | AD01,<br>V125TP2A<br>D2 | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-211 | 05/08/25 - 28/10/25 |                      |
| Thống kê ứng dụng trong<br>Kế và KD |           | 3  | 25C4STA50800502 | 90       | AD01,<br>V125TP2A<br>D2 | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-211 | 01/11/25 - 20/12/25 |                      |
|                                     |           |    |                 |          |                         | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-211 | 04/12/25 - 25/12/25 |                      |
| Kinh tế vi mô                       |           | 3  | 25C4ECO50100106 | 90       | AD02                    | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-212 | 07/08/25 - 23/10/25 |                      |
| Kinh tế vĩ mô                       |           | 3  | 25C4ECO50100204 | 90       | AD02                    | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-408 | 01/11/25 - 20/12/25 | <b>Đổi phòng học</b> |
|                                     |           |    |                 |          |                         | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-408 | 04/12/25 - 25/12/25 |                      |
| Nguyên lý kế toán                   |           | 3  | 25C4ACC50700105 | 90       | AD02                    | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-212 | 05/08/25 - 28/10/25 |                      |
| Quản trị học                        |           | 3  | 25C4MAN50200102 | 90       | AD02                    | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-212 | 09/08/25 - 25/10/25 |                      |
| Thống kê ứng dụng trong<br>Kế và KD |           | 3  | 25C4STA50800503 | 90       | AD02                    | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-212 | 30/10/25 - 27/11/25 |                      |
|                                     |           |    |                 |          |                         | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-212 | 04/11/25 - 23/12/25 |                      |

**CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH KHÓA 30.2 LTCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                       | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GĐ     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ    |
|------------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|------------|
| Hoạch định Thuế                    |           | 3  | 25C4TAX50401601 | 80       | FN01   | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-402 | 01/11/25 - 20/12/25 |            |
|                                    |           |    |                 |          |        | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-402 | 04/12/25 - 25/12/25 |            |
| Kinh tế vi mô                      |           | 3  | 25C4ECO50100107 | 80       | FN01   | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-402 | 05/08/25 - 28/10/25 | <b>HỦY</b> |
| Kinh tế vĩ mô                      |           | 3  | 25C4ECO50100205 | 80       | FN01   | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-402 | 30/10/25 - 27/11/25 |            |
|                                    |           |    |                 |          |        | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-402 | 04/11/25 - 23/12/25 |            |
| Nguyên lý kế toán                  |           | 3  | 25C4ACC50700106 | 80       | FN01   | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-402 | 07/08/25 - 23/10/25 |            |
| Tài chính doanh nghiệp<br>nâng cao |           | 3  | 25C4FIN50500303 | 80       | FN01   | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-402 | 09/08/25 - 25/10/25 |            |

**NGÀNH QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC KHÓA 30.2 LTCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                        | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GĐ     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ    |
|-------------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|------------|
| Kinh tế lượng ứng dụng              |           | 3  | 25C4ECO50106701 | 50       | HR01   | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-404 | 02/10/25 - 25/12/25 |            |
| Kinh tế vi mô                       |           | 3  | 25C4ECO50100108 | 50       | HR01   | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-404 | 05/08/25 - 30/09/25 | <b>HỦY</b> |
|                                     |           |    |                 |          |        | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-404 | 07/08/25 - 28/08/25 |            |
| Kinh tế vi mô ứng dụng              |           | 3  | 25C4ECO50113801 | 50       | HR01   | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-404 | 04/10/25 - 20/12/25 |            |
| Kinh tế vĩ mô                       |           | 3  | 25C4ECO50100206 | 50       | HR01   | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-404 | 07/10/25 - 23/12/25 |            |
| Thống kê ứng dụng trong<br>Kế và KD |           | 3  | 25C4STA50800504 | 50       | HR01   | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-404 | 09/08/25 - 27/09/25 |            |
|                                     |           |    |                 |          |        | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-404 | 04/09/25 - 25/09/25 |            |

**NGÀNH KINH DOANH THƯƠNG MẠI KHÓA 30.2 LTCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                     | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GĐ     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ              |
|----------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|----------------------|
| Kinh tế vi mô                    |           | 3  | 25C4ECO50100103 | 50       | KM01   | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-302 | 09/08/25 - 25/10/25 |                      |
| Kinh tế vĩ mô                    |           | 3  | 25C4ECO50100202 | 50       | KM01   | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-302 | 30/10/25 - 27/11/25 |                      |
|                                  |           |    |                 |          |        | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-302 | 04/11/25 - 23/12/25 |                      |
| Nguyên lý kế toán                |           | 3  | 25C4ACC50700102 | 50       | KM01   | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-302 | 01/11/25 - 20/12/25 | <b>HỦY</b>           |
|                                  |           |    |                 |          |        | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-302 | 04/12/25 - 25/12/25 |                      |
| Quản trị chiến lược toàn cầu     |           | 3  | 25C4BUS50317801 | 50       | KM01   | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-308 | 05/08/25 - 28/10/25 | <b>Đổi phòng học</b> |
| Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu |           | 3  | 25C4BUS50317901 | 50       | KM01   | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-302 | 07/08/25 - 23/10/25 |                      |

**CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP KHÓA 30.2 LTCQ**

| TÊN HỌC PHẦN      | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GĐ     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Kế toán công      |           | 3  | 25C4ACC50706501 | 100      | KN01   | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-207 | 07/08/25 - 23/10/25 |         |
| Kế toán quản trị  |           | 3  | 25C4ACC50701101 | 100      | KN01   | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-207 | 09/08/25 - 25/10/25 |         |
| Kiểm toán căn bản |           | 3  | 25C4ACC50702501 | 100      | KN01   | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-207 | 05/08/25 - 28/10/25 |         |
| Kinh tế vi mô     |           | 3  | 25C4ECO50100101 | 100      | KN01   | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-207 | 30/10/25 - 27/11/25 |         |
|                   |           |    |                 |          |        | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-207 | 04/11/25 - 23/12/25 |         |
| Luật kinh doanh   |           | 3  | 25C4LAW51100101 | 100      | KN01   | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-207 | 01/11/25 - 20/12/25 |         |
|                   |           |    |                 |          |        | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-207 | 04/12/25 - 25/12/25 |         |

**NGÀNH LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG KHÓA 30.2 LTCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                      | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GĐ     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ    |
|-----------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|------------|
| Kinh tế vĩ mô                     |           | 3  | 25C4ECO50100102 | 100      | LM01   | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-208 | 09/08/25 - 25/10/25 | <b>HỦY</b> |
| Kinh tế vĩ mô                     |           | 3  | 25C4ECO50100201 | 100      | LM01   | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-208 | 01/11/25 - 20/12/25 |            |
|                                   |           |    |                 |          |        | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-208 | 04/12/25 - 25/12/25 |            |
| Nguyên lý kế toán                 |           | 3  | 25C4ACC50700101 | 100      | LM01   | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-208 | 07/08/25 - 23/10/25 |            |
| Quản trị tài chính                |           | 3  | 25C4FIN50503901 | 100      | LM01   | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-208 | 30/10/25 - 27/11/25 |            |
|                                   |           |    |                 |          |        | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-208 | 04/11/25 - 23/12/25 |            |
| Thông kê ứng dụng trong Ktế và KD |           | 3  | 25C4STA50800501 | 100      | LM01   | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-208 | 05/08/25 - 28/10/25 |            |

**CHUYÊN NGÀNH NGÂN HÀNG KHÓA 30.2 LTCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                         | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GĐ     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ              |
|--------------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|----------------------|
| Kế toán tài chính căn bản            |           | 3  | 25C4ACC50719501 | 50       | NH01   | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-408 | 30/10/25 - 27/11/25 | <b>Đổi phòng học</b> |
|                                      |           |    |                 |          |        | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-408 | 04/11/25 - 23/12/25 |                      |
| Kinh tế vĩ mô                        |           | 3  | 25C4ECO50100104 | 50       | NH01   | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-403 | 05/08/25 - 28/10/25 | <b>HỦY</b>           |
| Luật kinh doanh                      |           | 3  | 25C4LAW51100102 | 50       | NH01   | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-403 | 07/08/25 - 23/10/25 |                      |
| Nguyên lý kế toán                    |           | 3  | 25C4ACC50700103 | 50       | NH01   | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-403 | 09/08/25 - 25/10/25 |                      |
| Thị trường và các định chế tài chính |           | 3  | 25C4BAN50608801 | 50       | NH01   | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-403 | 01/11/25 - 20/12/25 |                      |
|                                      |           |    |                 |          |        | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-403 | 04/12/25 - 25/12/25 |                      |

**CHUYÊN NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN KINH DOANH KHÓA 30.2 LTCQ**

**[Học ghép chung với các lớp học phần sau]**

| TÊN HỌC PHẦN                   | VN/<br>EN | TC       | MÃ LHP                 | SL<br>DK  | LỚP SV             | THỨ      | ST       | GIỜ HỌC              | GĐ            | THỜI GIAN HỌC              | GHI CHÚ              |
|--------------------------------|-----------|----------|------------------------|-----------|--------------------|----------|----------|----------------------|---------------|----------------------------|----------------------|
| Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam |           | 2        | 25C1HIS51002606        | 90        | K49.LSD.0<br>01    | 2        | 5        | 07g45 - 12g05        | N2-405        | 04/08/25 - 15/09/25        |                      |
| Kỹ năng mềm                    |           | 2        | 25C1BUS50309514        | 30        | [GDQP3]_<br>DBP001 | 3        | 5        | 07g10 - 11g30        | N2-506        | 05/08/25 - 26/08/25        |                      |
|                                |           |          |                        |           |                    | 5        | 5        | 12g45 - 17g05        | N2-512        | 07/08/25 - 14/08/25        |                      |
| Tư tưởng Hồ Chí Minh           |           | 2        | 25C1HCM51000452        | 35        | [GDQP3]_<br>NHF001 | 4        | 5        | 12g45 - 17g05        | B1-407        | 06/08/25 - 27/08/25        |                      |
|                                |           |          |                        |           |                    | 6        | 5        | 07g10 - 11g30        | B2-211        | 08/08/25 - 15/08/25        |                      |
| Tư duy thiết kế                |           | 2        | 25C1TEC55005945        | 30        | [GDQP3]_<br>DBP001 | 7        | 5        | 07g10 - 11g30        | N2-512        | 09/08/25 - 30/08/25        |                      |
|                                |           |          |                        |           |                    | 5        | 5        | 12g45 - 17g05        | N2-512        | 21/08/25 - 28/08/25        |                      |
| <b>Quản trị học</b>            |           | <b>3</b> | <b>25C1MAN50200103</b> | <b>60</b> | <b>EE0002</b>      | <b>7</b> | <b>5</b> | <b>12g45 - 17g05</b> | <b>N2-208</b> | <b>09/08/25 - 04/10/25</b> | <b>Đổi phòng học</b> |
| Quản trị sự thay đổi           |           | 3        | 25C1MAN50201401        | 50        | HPTC.I.NH<br>0_01  | 3        | 5        | 07g10 - 11g30        | N1-502        | 07/10/25 - 02/12/25        |                      |
| Hệ thống thông tin quản lý     |           | 3        | 25C1INF50900801        | 50        | DB0001,D<br>BP001  | 7        | 5        | 07g10 - 11g30        | N2-301        | 11/10/25 - 06/12/25        |                      |

**CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN KHÓA 30.2 LTCQ**

[Học ghép chung với các lớp học phần sau]

| TÊN HỌC PHẦN                      | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>ĐK | LỚP SV                                                                                     | THỨ | ST            | GIỜ HỌC       | GD                      | THỜI GIAN HỌC           | GHI CHÚ       |
|-----------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-----|---------------|---------------|-------------------------|-------------------------|---------------|
| Toán dành cho kinh tế và quản trị |           | 3  | 25C3MAT50800101 | 40       | V125TP2FN<br>1                                                                             | 2   | 4             | 17g45 - 21g10 | A104a                   | 04/08/2025 - 27/10/2025 | Đổi phòng học |
| Kỹ năng mềm                       |           | 2  | 25C3BUS50309501 | 50       | V124TP4K<br>N1                                                                             | 4   | 4             | 17g45 - 21g10 | B2-203                  | 06/08/2025 - 24/09/2025 |               |
| Kinh tế vi mô                     |           | 3  | 25C3ECO50100101 | 70       | V125TP2A<br>D1,<br>V125TP2FN<br>1,<br>V125TP2L<br>M1                                       | 6   | 4             | 17g45 - 21g10 | A401                    | 08/08/2025 - 24/10/2025 |               |
| Chủ nghĩa xã hội khoa học         |           | 2  | 25C3POL51002504 | 60       | V125TP1A<br>V1,<br>V125TP1EE<br>1,<br>V125TP1HR<br>1,<br>V125TP1LK<br>1,<br>V125TP2EL<br>1 | 5   | 4             | 17g45 - 21g10 | A201                    | 30/10/2025 - 11/12/2025 | HỦY           |
|                                   |           |    |                 |          | 7                                                                                          | 4   | 17g45 - 21g10 | A201          | 01/11/2025 - 08/11/2025 |                         |               |
| Kinh tế vĩ mô                     |           | 3  | 25C3ECO50100204 | 70       | V125TP2A<br>D1,<br>V125TP2FN<br>1,<br>V125TP2L<br>M1                                       | 2   | 4             | 17g45 - 21g10 | A401                    | 03/11/2025 - 08/12/2025 |               |
|                                   |           |    |                 |          | 6                                                                                          | 4   | 17g45 - 21g10 | A401          | 07/11/2025 - 12/12/2025 |                         |               |